CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex

Ngày 15/01/2024	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.1%	**0%**	-

DT thuần
Q4/23
44.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 12.8%
YoY: ▼7.90| -15.0%

LN thuần
Q4/23
-17.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -5.4%
YoY: ▼10.5| -149%

LN sau thuế
Q4/23
-40.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.8| -63.3%
YoY: ▼46.1| -849%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-11.0%
YoY: +/-▼ 16.2%

ROE
2023
-18.6%
YoY: +/-▼ 21.5%

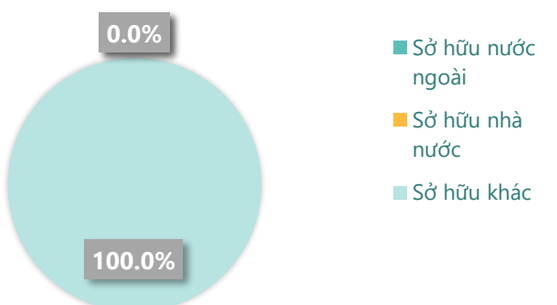
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	210
Số lượng CPLH (CP)	20,972,321
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.22)
EPS	-2,176
P/E	-4.6

DT thuần
2023
134
tỷ VNĐ
YoY: ▼178| -57.0%

LN thuần
2023
-87.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼74.5| -554%

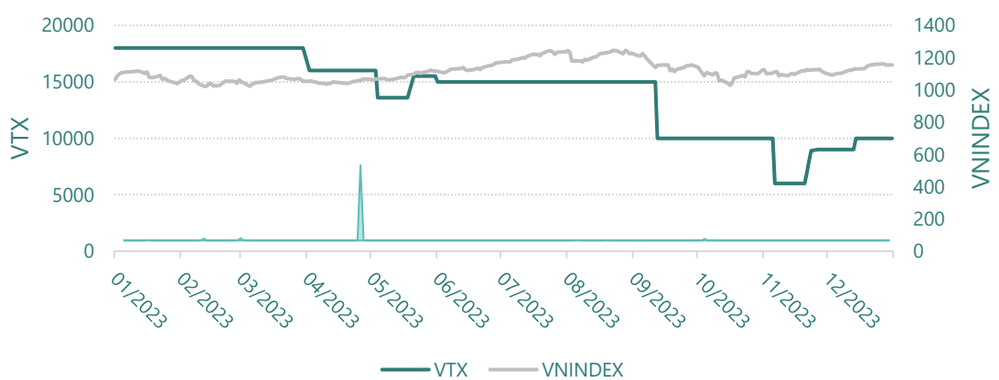
LN sau thuế
2023
-45.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.3| -696%

Cơ cấu sở hữu

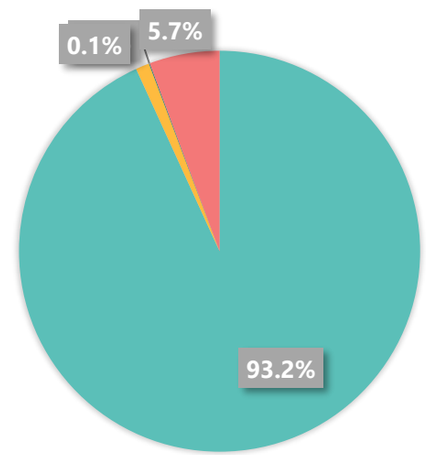


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

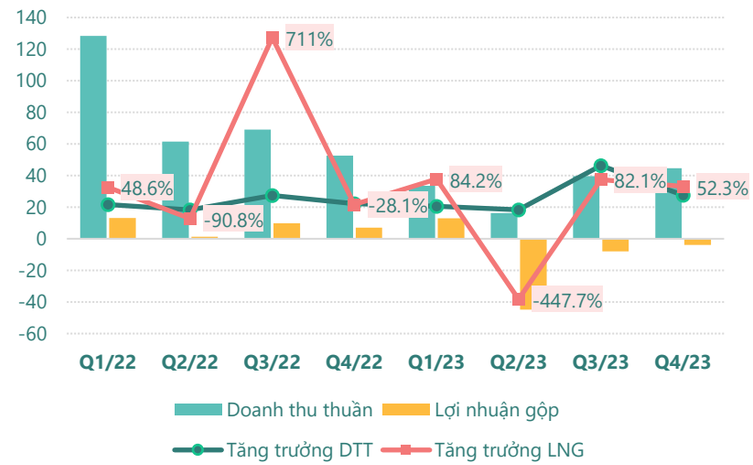




(Nguồn: fireant.vn)

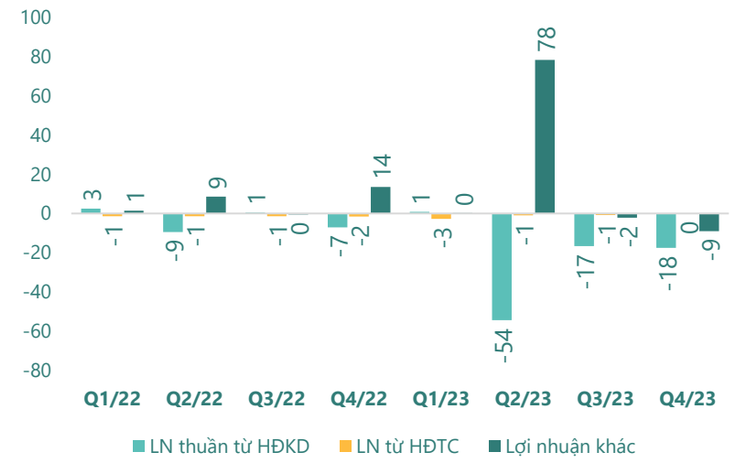
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



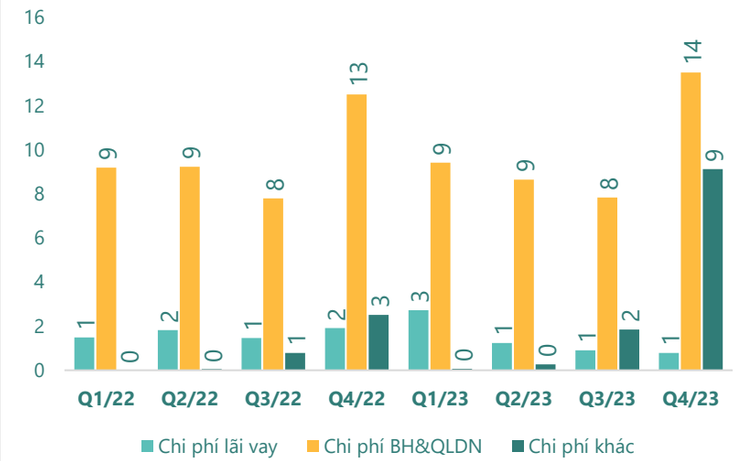
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



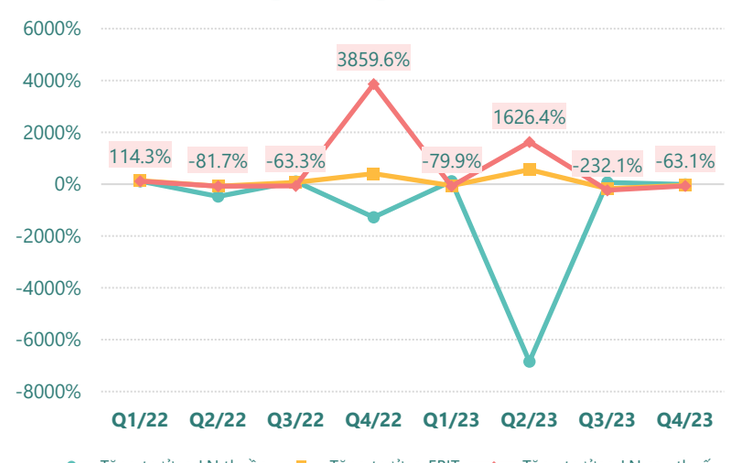
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



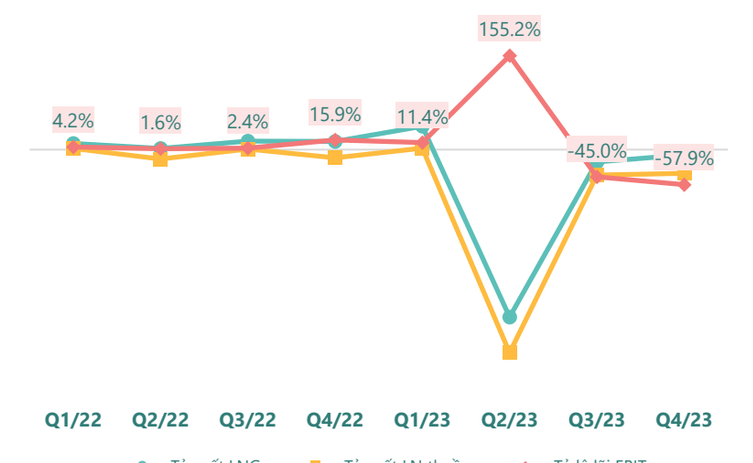
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



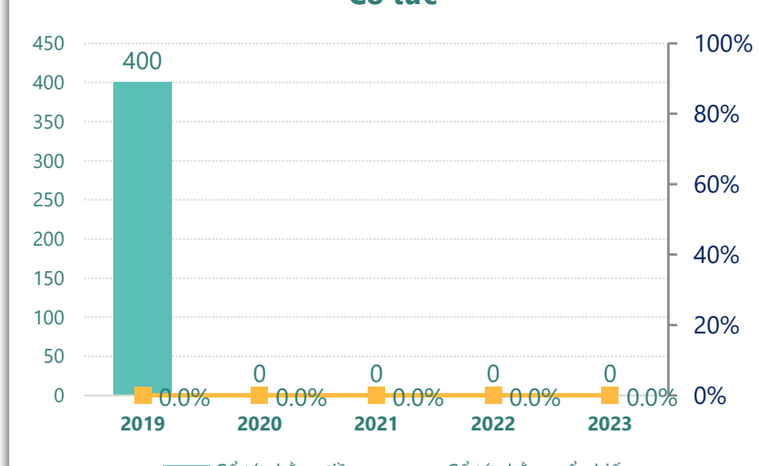
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

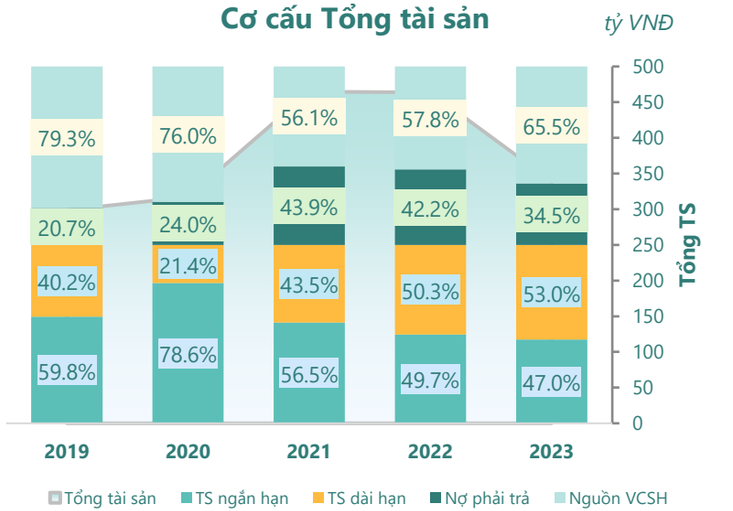
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

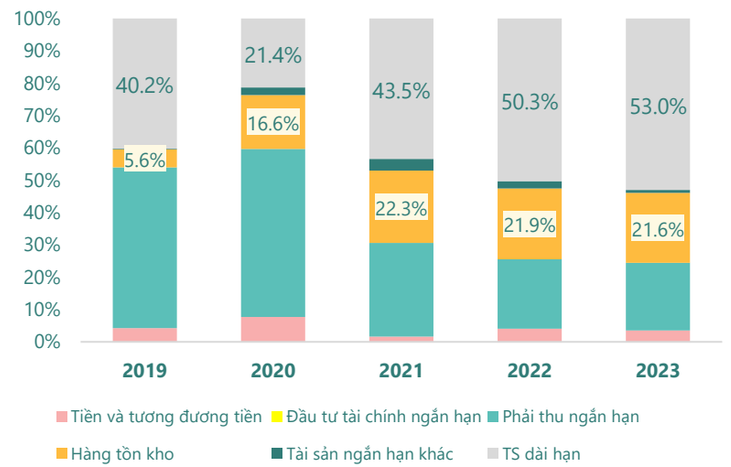
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



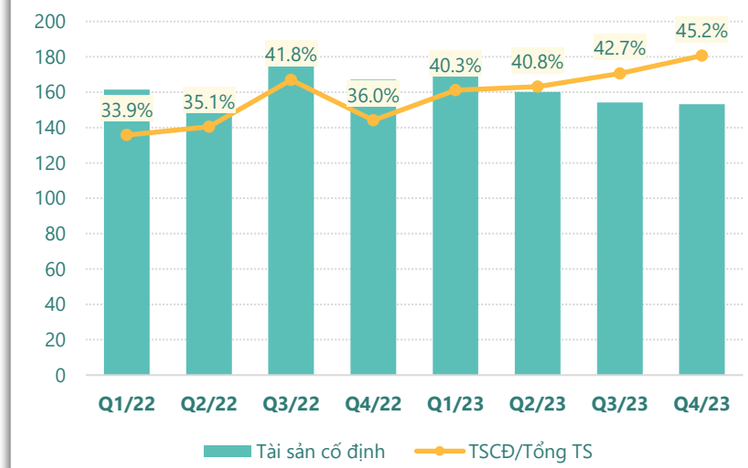
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



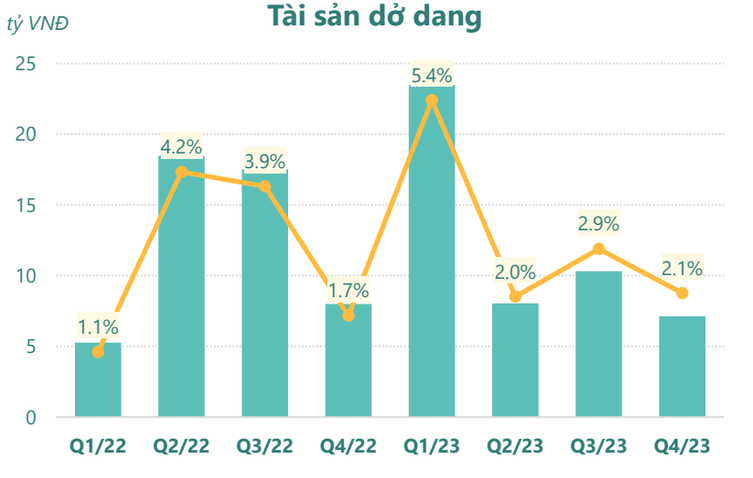
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



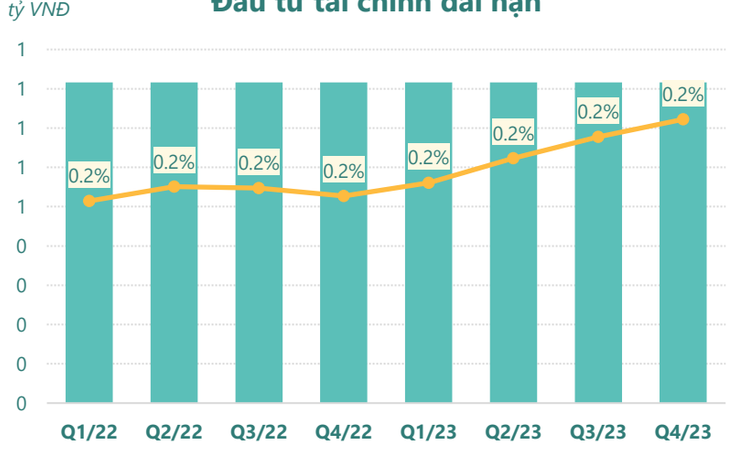
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



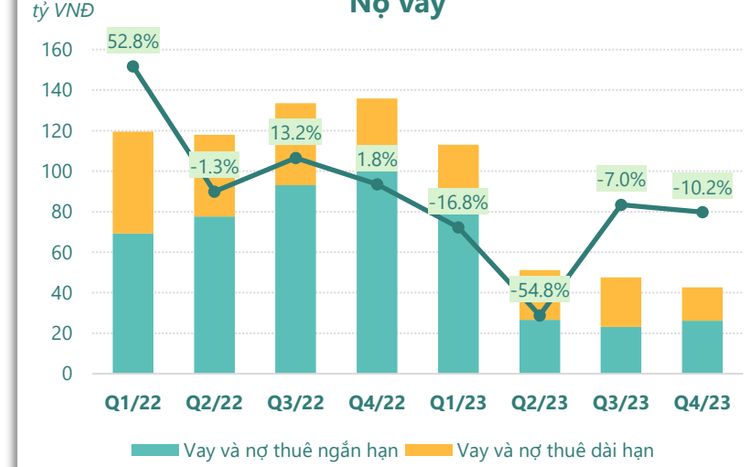
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

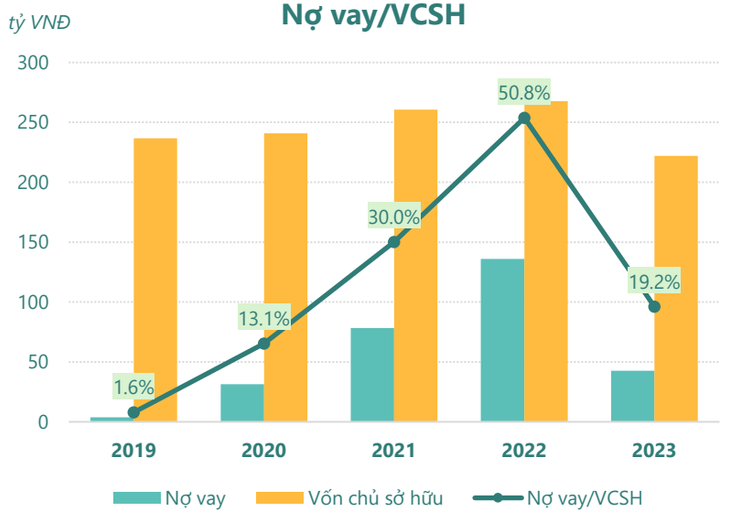
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

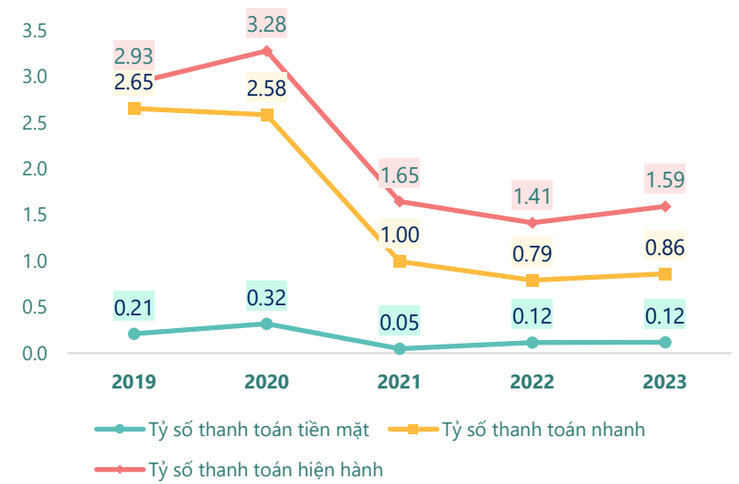
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



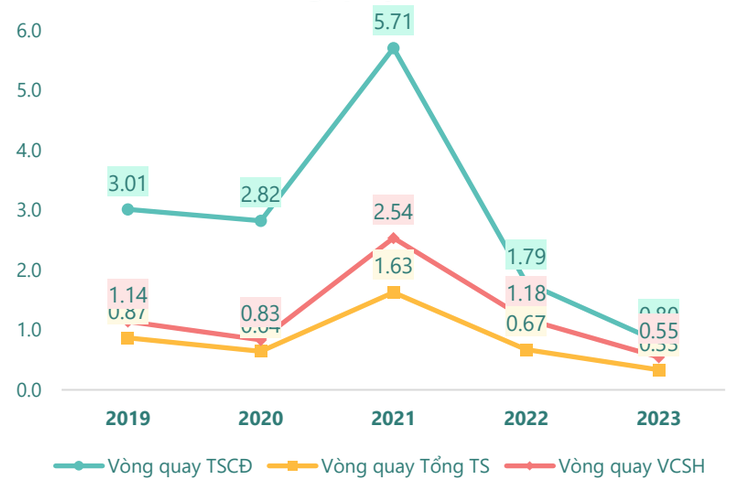
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



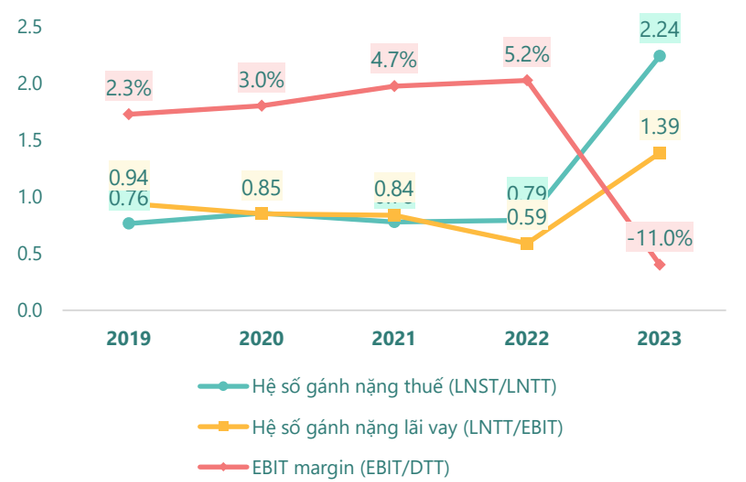
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



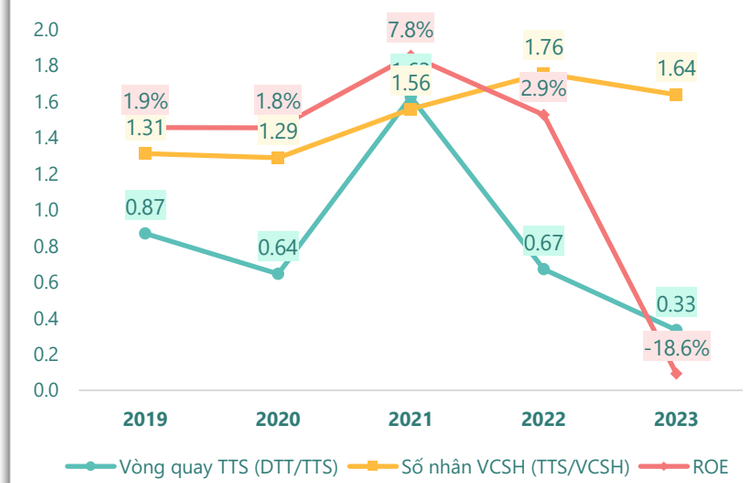
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



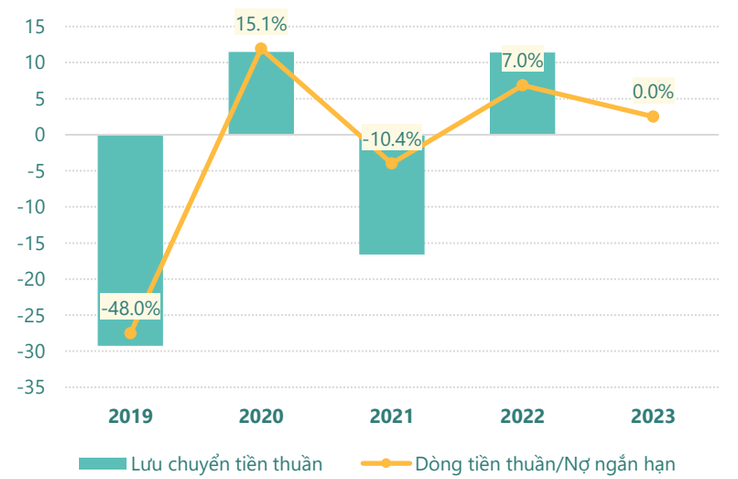
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**44.6**	**52.5**	**-15.0%**	**134**	**312**	**-57.0%**
Giá vốn hàng bán	48.5	45.5	6.5%	178	280	-36.6%
Lợi nhuận gộp	-3.83	7.01	-155%	-43.8	31.1	-241%
Doanh thu HĐTC	0.55	0.33	66.3%	1.00	0.96	4.8%
Chi phí TC	0.82	1.91	-57.0%	5.70	6.72	-15.2%
Chi phí lãi vay	0.79	1.91	-58.6%	5.67	6.71	-15.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.38	2.04	-32.3%	5.46	5.23	4.3%
Chi phí QLDN	**12.1**	**10.5**	**15.4%**	**33.9**	**33.5**	**1.3%**
LN thuần từ HĐKD	-17.6	-7.08	-149%	-87.9	-13.4	-554%
Lợi nhuận khác	**-9.04**	**13.5**	**-167%**	**67.6**	**23.1**	**193%**
LN trước thuế	-26.6	6.44	-514%	-20.4	9.64	-311%
Lợi nhuận sau thuế	**-40.7**	**5.43**	**-849%**	**-45.6**	**7.65**	**-696%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-40.7**	**5.43**	**-849%**	**-45.6**	**7.65**	**-696%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.2	0.56	15.4	-38.8	20.7	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-33.7	-0.53	-0.10	107	-1.62	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.5	2.41	-22.9	-61.9	-3.58	0
Tiền đầu kỳ	19.5	16.5	18.9	11.3	17.4	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.01**	**2.43**	**-7.60**	**6.10**	**15.5**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	16.5	18.9	11.3	17.4	32.9	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**339**	**464**	**-26.9%**
Tài sản ngắn hạn	159	231	-30.9%
Tiền và tương đương tiền	11.9	18.9	-36.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	71.0	99.3	-28.5%
Hàng tồn kho	73.3	102	-27.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.08	10.8	-71.4%
Tài sản dài hạn	**180**	**233**	**-22.9%**
Phải thu dài hạn	2.55	2.42	5.4%
Tài sản cố định	153	182	-15.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.13	23.3	-69.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.82	0.82	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**16.1**	**24.9**	**-35.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	117	196	-40.3%
Nợ ngắn hạn	**100.0**	**163**	**-38.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.2	104	-74.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.7	40.5	-21.9%
Nợ dài hạn	16.9	32.8	-48.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.5	32.4	-49.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**222**	**268**	**-17.1%**
Vốn chủ sở hữu	**222**	**268**	**-17.1%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)